TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO **TẠI HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 256/2025/HC-PT
Ngày: 08/4/2025
V/v: "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Thảo.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Ông Nguyễn Xuân Điền.

Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Dịu, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Ngọc, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 624/2024/TLPT-HC ngày 25 tháng 11 năm 2024 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai" do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 129/2024/HC-ST ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3218/2025/QĐ-PT ngày 24 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

**** Người khởi kiện*:**

1. Anh Nguyễn Khánh T, sinh năm 1984; nơi ĐKHKTT: Thôn HT, xã VQ, huyện VB, thành phố Hải Phòng; Có mặt.

2. Chị Lê Thị Tuyết L, sinh năm 1992; nơi ĐKHKTT: Cụm 7, xã VQ, huyện VB, thành phố Hải Phòng; Có mặt.

**** Người bị kiện*:** Ủy ban nhân dân- Chủ tịch UBND quận NQ, thành phố Hải Phòng; địa chỉ: Trung tâm Chính trị - Hành chính quận NQ tại Lô 26A LHP, phường ĐK, quận NQ, thành phố Hải Phòng.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Hoàng Hải N, chức vụ: Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường Uỷ ban nhân dân quận NQ; Vắng mặt.

- Ông Trần P, chức vụ: Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân phường ĐG, quận NQ, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

- Ông Trần Hồng Qu, chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất quận NQ, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:**

1. Ban chỉ huy quân sự quận NQ, thành phố Hải Phòng; địa chỉ trụ sở: Số 12 đường ĐN, phường MT, quận NQ, thành phố Hải Phòng;

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn Th- Phó Chỉ huy trưởng; Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Ông Bùi Văn V, sinh năm 1963; nơi ĐKHKTT: Số 3 Đ23, phường ĐQB, quận NQ, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Số 405 Sảnh A Toà nhà HH4, chung cư Hoàng Huy, phường ĐQB, quận NQ, thành phố Hải Phòng; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nhận ngày 14/5/2024; đơn khởi kiện bổ sung nhận ngày 28/5/2024; bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện - ông Nguyễn Khánh T, bà Lê Thị Tuyết L thống nhất trình bày:

Do có nhu cầu mua đất để xây nhà ở nên ngày 01/3/2012, vợ chồng ông T bà L đã nhận chuyển nhượng diện tích đất 90m^2 tại lô số 01 khu Đồng Linh, đường AĐ, phường ĐG, quận NQ, thành phố Hải Phòng của ông Bùi Văn V với giá chuyển nhượng là 500.000.000 đồng. Hai bên có lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nhưng không có công chứng, chứng thực. Sau khi nhận chuyển nhượng vợ chồng ông T có xây dựng công trình trên đất. Kể từ khi nhận chuyển nhượng diện tích đất cho đến nay, vợ chồng ông T sử dụng ổn định, không có tranh chấp với ai.

Đến năm 2023, Uỷ ban nhân dân quận NQ, thành phố Hải Phòng có chủ trương thu hồi đất để xây dựng Dự án vườn hoa tại khu vực Miếu AĐ, phường ĐG, quận NQ, diện tích đất vợ chồng ông T đang sử dụng thuộc diện bị thu hồi tại dự án này. Ngày 28/12/2023, Uỷ ban nhân dân quận NQ ban hành 02 quyết định: Quyết định số 4182/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án vườn hoa tại khu vực Miếu AĐ, phường ĐG, quận NQ và Quyết định số 4176/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với các hộ gia đình có đất thu hồi thực hiện Dự án vườn hoa tại khu vực miếu AĐ, phường ĐG, quận NQ. Theo phương án bồi thường này thì vợ chồng ông T không được bồi thường, hỗ trợ về đất.

Ngày 19/4/2024, vợ chồng ông T nhận được Quyết định số 631/QĐ-

UBND của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân quận NQ về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với diện tích đất vợ chồng ông T đã mua của ông V. Ông T, bà L không đồng ý với các quyết định trên của Uỷ ban nhân dân và Chủ tịch Uỷ ban nhân dân quận NQ vì những lý do sau:

Thứ nhất: Về nguồn gốc của diện tích đất: Ngày 01/4/1987, Ban chỉ huy quân sự quận NQ có Công văn số 01/CV gửi Uỷ ban nhân dân quận NQ, Uỷ ban nhân dân phường ĐG (viết tắt Uỷ ban phường ĐG) đề nghị được cấp diện tích đất 720m^2 phía Đông của hồ An Biên để xây dựng cụm chiến đấu. Ngày 11/5/1987, Uỷ ban nhân dân quận NQ, Uỷ ban nhân dân phường ĐG có Biên bản hội nghị quyết định bàn giao diện tích đất 720m^2 tại khu Đồng Linh của phường ĐG cho Ban chỉ huy quân sự quận NQ để xây dựng cụm chiến đấu. Ngày 14/3/1995 Đảng uỷ quân sự quận có Nghị quyết giao diện tích đất trên cho 09 cán bộ trong Ban chỉ huy quân sự quận NQ quản lý, sử dụng làm nhà ở để giải quyết công tác chính sách hậu phương Quân đội và Công văn ngày 20/3/1995 Ban chỉ huy quân sự quận NQ gửi Uỷ ban nhân dân quận NQ, Uỷ ban nhân dân phường ĐG đề nghị giao đất cho 09 cán bộ Ban chỉ huy quân sự quận NQ quản lý, sử dụng làm nhà ở trong đó có ông Bùi Văn V. Nghị quyết giao đất cho 09 cán bộ trong Ban chỉ huy quân sự quận NQ của Đảng uỷ quân sự quận đã được sự nhất trí của đồng chí Bí thư quận uỷ NQ đồng thời là Bí thư Đảng uỷ quân sự quận và đồng chí Chủ tịch Uỷ ban nhân dân quận NQ là Uỷ viên Đảng uỷ quân sự quận NQ. Được sự nhất trí của lãnh đạo quận và các cơ quan chức năng, Uỷ ban nhân dân phường ĐG đã tiến hành kiểm tra xác định ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 20/3/2000, có Biên bản kiểm tra xác định ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 20/3/2000. Thửa đất đã được lập Trích đo mặt bằng tỷ lệ 1/200 ngày 05/5/2000. Tháng 5 năm 2000 có Biên bản xác định ranh, mốc giới thửa đất. Ngày 10/5/2000, Sở địa chính đã cấp giấy chứng nhận kê khai đăng ký quyền sử dụng đất số 821GCN/ĐK (đã được vào sổ số 821, quyển số 02) cho ông Bùi Văn V. Theo hồ sơ, thửa đất trên được Uỷ ban nhân dân quận NQ, Uỷ ban nhân dân phường ĐG bàn giao cho Ban chỉ huy quân sự quận NQ ngày 11/5/1987 và từ đó cho đến nay Ban chỉ huy quân sự quận NQ chưa bàn giao lại diện tích đất trên cho Uỷ ban nhân dân phường ĐG.

Diện tích đất trên trước đây thuộc quyền sử dụng, quản lý của Quân đội. Năm 1995, ông Bùi Văn V được Đảng uỷ quân sự quận NQ cấp cho diện tích đất trên để sử dụng theo Nghị quyết ngày 14/3/1995 và Công văn ngày 20/3/1995 đề nghị giao cho 09 cán bộ thuộc cơ quan quân sự quận quản lý, sử dụng. Năm 2012, do không còn nhu cầu sử dụng nên ông V đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông T. Do vậy, vợ chồng ông T là chủ sử dụng hợp pháp đối với diện tích nhận chuyển nhượng từ ông V. Tuy nhiên, khi thực hiện việc thu hồi đất, Uỷ ban nhân dân quận NQ lại không thông báo, lên phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với diện tích đất thu hồi của vợ chồng ông T. Mặt khác diện tích đất này có

nguồn gốc là của Bộ Quốc Phòng nên Uỷ ban nhân dân các cấp không có thẩm quyền thu hồi.

Thứ hai: Khi thu hồi đất thì Uỷ ban phải thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục quy định tại Luật Đất đai, phải tống đạt đầy đủ các văn bản liên quan đến việc thu hồi đất cho người sử dụng đất. Tuy nhiên, trong suốt quá trình thực hiện việc thu hồi đất, Uỷ ban nhân dân quận NQ không gửi cho vợ chồng ông T bất kỳ một văn bản nào liên quan đến việc thu hồi đất của vợ chồng ông T. Chính vì vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, vợ chồng ông T làm đơn khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết các vấn đề sau:

- Tuyên huỷ Quyết định số 631/QĐ-UBND ngày 19/4/2024 về việc cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân quận NQ, thành phố Hải Phòng.

- Huỷ Quyết định số 4176/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của Uỷ ban nhân dân quận NQ về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với các hộ gia đình có đất thu hồi và Bảng tổng hợp kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện Dự án xây dựng Vườn hoa tại khu vực Miếu AĐ, phường ĐG, quận NQ, thành phố Hải Phòng.

- Buộc Uỷ ban nhân dân quận NQ phải thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với diện tích đất thu hồi của ông T, bà L.

Tại Văn bản số 2922/UBND-TNMT ngày 06/8/2024; Văn bản số 3259/UBND-TNMT ngày 06/9/2024 và quá trình giải quyết vụ án, người bị kiện - Uỷ ban nhân dân quận NQ, thành phố Hải Phòng và Chủ tịch Uỷ ban nhân dân quận NQ, thành phố Hải Phòng thống nhất trình bày:

Theo Bản đồ và Sổ mục kê xã ĐG năm 1986: Khu đất thu hồi thuộc một phần thửa đất số 1133, tờ bản đồ số 01, diện tích: 15.193m^2, chủ sử dụng đất: Công trình đô thị. Ngày 01/4/1987, Ban chỉ huy quân sự quận NQ có Công văn số 01/CV đề nghị cấp diện tích đất 720m^2 tại vị trí trên để làm cụm chiến đấu. Ngày 11/5/1987, Uỷ ban phường ĐG tổ chức hội nghị quyết định bàn giao khu đất trên về Ban chỉ huy quân sự quận NQ. Ngày 20/3/1995, Ban chỉ huy quân sự quận NQ có Công văn (không ghi số) gửi Uỷ ban nhân dân phường ĐG về việc "*sử dụng lô đất tại khu vực Đồng Linh với nội dung: Việc tổ chức xây dựng cụm chiến đấu không phù hợp với nhiệm vụ tác chiến của địa phương. Để đảm bảo sự quản lý, Ban chỉ huy quân sự quận NQ có chủ trương giao cho một số cán bộ đơn vị, sử dụng giải quyết nhu cầu sinh hoạt cá nhân trong khi thành phố và Quân đội chưa có điều kiện giải quyết để cán bộ yên tâm công tác đến khi có chủ trương mới*".

Theo Bản đồ địa chính phường ĐG năm 1998: Khu đất thu hồi thuộc một phần các thửa đất số 65, tờ bản đồ số 11, diện tích 1.909,5m^2, loại đất Ao; thửa đất số 83, tờ bản đồ số 11, diện tích 38,9m^2, loại đất Rau và thửa đất số 82, tờ bản

đồ số 11, diện tích 1.057,1m^2, loại đất QP, chủ sử dụng: Đất quốc phòng (Quân đội quận NQ). Năm 2000, Uỷ ban nhân dân phường ĐG lập các Biên bản: Biên bản kiểm tra xác định ranh giới, mốc giới thửa đất, Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất kèm theo Trích đo mặt bằng thửa đất đối với ông Bùi Văn V. Ngày 10/5/2000, Sở Địa chính thành phố cấp Giấy chứng nhận kê khai đăng ký sử dụng đất với mục đích sử dụng đất làm nhà ở cho ông Bùi Văn V. Theo hồ sơ quản lý đất đai tại địa phương thì khu đất thu hồi là đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của phường ĐG (Theo Kết luận Kháng nghị số 04/KSTP ngày 19/3/2001 của Viện Kiểm sát nhân dân quận NQ, Hợp tác xã Nông nghiệp bàn giao T bộ quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích tại Khu vực Đồng Linh – trong đó có khu đất của quận đội là 1.400m^2 cho Uỷ ban nhân dân phường ĐG quản lý – Biên bản bàn giao ngày 15/6/2001).

Tại Văn bản số 3259/UBND-TNMT ngày 06/9/2024, người bị kiện trình bày: Trên cơ sở điều chỉnh về nguồn gốc sử dụng đất của Uỷ ban nhân dân phường ĐG và kết quả thẩm định điều chỉnh của Phòng Tài nguyên và Môi trường, Uỷ ban nhân dân quận NQ điều chỉnh ý kiến tham gia về nguồn gốc sử dụng đất đối với nguồn gốc diện tích đất ông T, bà L khởi kiện, cụ thể: Nguồn gốc sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Khánh T (nhận chuyển nhượng từ ông V) là đất công do Uỷ ban nhân dân phường ĐG quản lý, sử dụng vào mục đích công cộng.

Ngày 01/3/2012, ông V chuyển nhượng thửa đất trên cho ông Nguyễn Khánh T, không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền.

Về việc lập và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

Trên cơ sở Báo cáo nguồn gốc đất của Uỷ ban nhân dân phường ĐG gửi kèm các tài liệu có liên quan, kết quả thẩm định của Phòng Tài nguyên và Môi trường, đối tượng thửa đất thu hồi là Uỷ ban phường ĐG (ông Nguyễn Khánh T đang sử dụng); Trung tâm phát triển quỹ đất có Báo cáo số 261/BC-UBND ngày 07/12/2023 về phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với đất và tài sản gắn liền với đất thu hồi của các hộ gia đình thực hiện Dự án xây dựng Vườn hoa tại khu vực Miếu AĐ, phường ĐG, quận NQ; công khai phương án và lấy ý kiến của người dân.

Ngày 26/12/2023, Trung tâm phát triển quỹ đất hoàn thiện phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với đất và tài sản gắn liền với đất thu hồi của các hộ gia đình thực hiện Dự án xây dựng Vườn hoa tại khu vực Miếu AĐ, phường ĐG, quận NQ tại Báo cáo số 315/BC-TTPTQĐ. Ngày 28/12/2023, Uỷ ban nhân dân quận NQ ban hành các quyết định đảm bảo theo quy định của pháp luật, gồm: Quyết định số 4176/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các hộ gia đình (trong đó có khu đất của Uỷ ban phường ĐG – ông Nguyễn Khánh T đang sử dụng) có đất thu hồi thực hiện Dự

án xây dựng Vườn hoa tại khu vực Miếu AĐ, phường ĐG, quận NQ; Quyết định số 4182/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án. Tại quyết định phê duyệt phương án trên, hộ ông T không được bồi thường, hỗ trợ về đất do không đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định tại Điều 82 của Luật Đất đai năm 2013; không được giao đất ở do thửa đất thu hồi là đất trống, hộ dân không thực ở trên thửa đất này.

Về việc ban hành Quyết định cưỡng chế thu hồi đất:

Trên cơ sở đề nghị của Uỷ ban nhân dân phường ĐG tại Báo cáo số 34/BC-UBND ngày 19/02/2024 và tài liệu về việc tuyên truyền, vận động hộ ông Nguyễn Khánh T chấp hành bàn giao mặt bằng theo quyết định của Uỷ ban nhân dân quận; Trung tâm phát triển quỹ đất tại Công văn số 167/BC-UBND ngày 19/4/2024, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân quận NQ đã ban hành Quyết định số 631/QĐ-UBND ngày 19/4/2024 cưỡng chế thu hồi đất đối với Uỷ ban nhân dân phường ĐG (ông Nguyễn Khánh T đang sử dụng) để thực hiện Dự án xây dựng Vườn hoa tại khu vực Miếu AĐ, phường ĐG, quận NQ đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Vì vậy, Uỷ ban nhân dân quận NQ đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, ban hành Quyết định cưỡng chế thu hồi đất đối với Uỷ ban phường ĐG (ông Nguyễn Khánh T đang sử dụng) là đảm bảo theo quy định của pháp luật, đề nghị Toà án bác đơn khởi kiện của ông T, bà L.

Tại Văn bản số 724/BCH-TM ngày 02/8/2024, Ban chỉ huy quân sự quận NQ trình bày:

Theo các thông báo của Toà án, diện tích đất thu hồi là do vợ chồng ông T, bà L nhận chuyển nhượng của ông Bùi Văn V tại địa chỉ: Lô số 01 Đồng Linh, đường AĐ, phường ĐG, quận NQ, thành phố Hải Phòng. Ông Bùi Văn V nguyên là cán bộ Ban chỉ huy quân sự quận NQ. Hiện Ban chỉ huy quân sự quận NQ đang chủ động thu thập tài liệu, hồ sơ liên quan đến vụ án. Tuy vậy, quá trình giải quyết vụ án Ban chỉ huy quân sự quận NQ không nộp thêm văn bản, không nộp tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu của người khởi kiện và không đến Toà án theo giấy báo của Toà án.

Tại Bản tự khai nhận ngày 05/8/2024 và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Bùi Văn V trình bày:

Ông V và 08 người khác nguyên là cán bộ, chiến sỹ thuộc Ban chỉ huy quân sự quận NQ (hiện đã nghỉ hưu) trước đây là quân nhân chuyên nghiệp, có thời gian công tác tại Ban chỉ huy quân sự quận NQ, có khó khăn về chỗ ở. Thực hiện chính sách hậu phương quân đội, ngày 14/3/1995 Đảng uỷ quân sự quận có Nghị quyết giao đất khu Đồng Linh cho 09 cán bộ công tác tại Ban chỉ huy quân sự quận NQ, trong đó có ông V sử dụng làm nhà ở. Nghị quyết này đã được sự

nhất trí của đồng chí Bí thư quận uỷ NQ đồng thời là Bí thư Đảng uỷ quân sự quận và đồng chí Chủ tịch Uỷ ban quận là Uỷ viên Đảng uỷ quân sự quận. Được sự nhất trí của lãnh đạo và các cơ quan chức năng, Uỷ ban phường ĐG đã kiểm tra, xác định ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 20/3/2000 (có xác nhận của Uỷ ban nhân dân phường ĐG, quận NQ và Phòng Đo đạc – Bản đồ thuộc Sở Địa chính nay là Sở Tài nguyên và Môi trường) và đã được xác nhận là không có tranh chấp, đã ký ranh giới, mốc giới với các hộ liền kề theo Biên bản kiểm tra xác định ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 20/3/2000 và Biên bản xác định ranh giới, mốc giới tháng 5 năm 2000. Ngày 10/5/2000, Sở địa chính đã cấp Giấy chứng nhận kê khai đăng ký quyền sử dụng đất số 821GCN/ĐK (đã được vào sổ số 821, quyển số 02). Sau khi được cơ quan giao đất, ông V cùng 08 người khác đã tiến hành cải tạo mặt bằng, san lấp, di chuyển mồ mả để làm nhà ở. Đến tháng 6 năm 2000 có một số người tiến hành xây dựng nhà để ở, hàng năm có đóng thuế đất phi nông nghiệp, có hợp đồng điện nước đầy đủ. Đến năm 2009, một hộ gia đình có đơn xin sửa chữa, cải tạo nhà ở được lãnh đạo Uỷ ban phường ĐG ký xác nhận ngày 09/3/2009. Cá nhân ông V không có điều kiện để làm nhà ở nên năm 2012 ông V đã chuyển nhượng lại diện tích đất 90m^2 được phân tại Khu Đồng Linh, đường AĐ, phường ĐG, quận NQ cho ông T với số tiền 500.000.000 đồng, để mua nhà ở tại tập thể ĐQB. Việc chuyển nhượng giữa hai bên có lập hợp đồng chuyển nhượng. Từ thời điểm chuyển nhượng cho đến nay, hai bên không có tranh chấp gì về việc chuyển nhượng diện tích đất.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 129/2024/HC-ST ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng quyết định: Căn cứ vào Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, các Điều 347, Điều 348 của Luật Tố tụng Hành chính; các Điều 62, 63, 66, 67, 68, 69, 71, 74, 75, khoản 2 Điều 82 của Luật Đất đai năm 2013; xử: Bác T bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Khánh T và bà Lê Thị Tuyết L về việc:

Tuyên huỷ Quyết định số 631/QĐ-UBND ngày 19/4/2024 về việc cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân quận NQ, thành phố Hải Phòng; Huỷ Quyết định số 4176/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của Uỷ ban nhân dân quận NQ, thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với các hộ gia đình có đất thu hồi và Bảng tổng hợp kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện Dự án xây dựng Vườn hoa tại khu vực Miếu AĐ, phường ĐG, quận NQ, thành phố Hải Phòng; Buộc Uỷ ban nhân dân quận NQ, thành phố Hải Phòng phải thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với diện tích đất thu hồi của ông Nguyễn Khánh T và bà Lê Thị Tuyết L.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/9/2024, người khởi kiện anh Nguyễn Khánh T và chị Lê Thị Tuyết L kháng cáo T bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Anh Nguyễn Khánh T trình bày: Theo Kết luận số 6347 ngày 29/8/2013 thì đất của 09 hộ dân là do Ban chỉ huy quân sự quận NQ quản lý. Chúng tôi mua bán lại của ông V là hợp pháp. Ngày 15/6/2001, Hợp tác xã ĐG bàn giao đất cho UBND phường nhưng mãi đến năm 2002 mới thanh lý Hợp đồng với ông Phòng. Như vậy, việc bàn giao đất của Hợp tác xã trước khi thanh lý hợp đồng là không hợp pháp.

Chị Lê Thị Tuyết L trình bày: Chúng tôi mua bán hợp pháp. Nếu như nói Ban chỉ huy quân sự giao đất trái thẩm quyền thì cũng không phải lỗi của chúng tôi. Nhưng khi thu hồi đất chúng tôi không được bồi thường, hỗ trợ gì cả là không đúng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - ông Bùi Văn V trình bày: Cá nhân 09 hộ dân không sai. Nếu có sai thì là do các cơ quan chức năng sai. UBND phường đã có biên bản xác định giao mốc giới cho chúng tôi, chúng tôi không lấn chiếm của ai. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để bảo đảm quyền lợi cho chúng tôi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm: Về tố tụng quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa, Thẩm phán - Chủ tọa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Về hướng giải quyết vụ án: sau khi phân tích nội dung vụ án, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Khánh T và chị Lê Thị Tuyết L là nộp trong thời hạn và đúng với quy định tại Điều 205, Điều 206 Luật tố tụng hành chính nên hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

[1.2] Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết là đúng quy định tại khoản 2 Điều 3; Điều 30; khoản 3, 4 Điều 32; a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[1.3] Về việc vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, người bị kiện; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tuy nhiên đã được Tòa án

triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 157 của Luật tố tụng hành chính, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét nội dung đơn kháng cáo của người khởi kiện anh Nguyễn Khánh T và chị Lê Thị Tuyết L, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Về trình tự, thủ tục ban hành các quyết định hành chính bị kiện và quyết định hành chính có liên quan: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử thấy: Việc ban hành Quyết định số 631/QĐ-UBND ngày 19/4/2024 về việc cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân quận NQ, thành phố Hải Phòng; Quyết định số 4182/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án vườn hoa tại khu vực Miếu AĐ, phường ĐG, quận NQ và Quyết định số 4176/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của Ủy ban nhân dân quận NQ, thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với các hộ gia đình có đất thu hồi và Bảng tổng hợp kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện Dự án xây dựng Vườn hoa tại khu vực Miếu AĐ, phường ĐG, quận NQ, thành phố Hải Phòng đã được ban hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Người khởi kiện cũng không khiếu nại, thắc mắc gì về trình tự thủ tục ban hành các quyết định này.

[2.2] Về tính có căn cứ của các quyết định hành chính:

[2.2.1] Theo Bản đồ và Sổ mục kê xã ĐG năm 1986: Khu đất thu hồi thuộc một phần thửa đất số 1133, tờ bản đồ số 01, diện tích: 15.193m^2, không đề loại đất, chủ sử dụng đất: Công trình đô thị. Theo hồ sơ quản lý đất nông nghiệp của Uỷ ban phường ĐG, thửa đất trên là đất nông nghiệp công ích của phường giao cho Hợp tác xã Nông nghiệp ĐG quản lý khai thác sử dụng. Sau đó, Hợp tác xã đã cho ông Trịnh Quang Phòng thuê theo Hợp đồng số 03 ngày 01/10/1997. Tại Bản đồ địa chính phường ĐG năm 1998 thể hiện: Khu đất thu hồi thuộc một phần các thửa đất số 65, tờ bản đồ số 11, diện tích 1.909,5m^2, loại đất: Ao; chủ sử dụng ông Trịnh Quang Phòng. Đến ngày 15/6/2001, căn cứ Quyết định kiểm sát việc tuân thủ pháp luật ngày 13/02/2001 của Viện Kiểm sát nhân dân quận NQ với Uỷ ban nhân dân phường ĐG, Hợp tác xã Nông nghiệp ĐG đã bàn giao diện tích đất tại thời điểm Hợp tác xã Nông nghiệp đang quản lý, trong đó có diện tích đất 1.400m^2 (quận đội đang quản lý) cho Uỷ ban nhân dân phường ĐG theo Biên bản bàn giao đất công và đất 5%. Ngày 09/5/2002, giữa Hợp tác xã Nông nghiệp phường ĐG với ông Trịnh Quang Phòng đã ký Biên bản thanh lý Hợp đồng số 03 ngày 01/10/1997 với lý do: Do Hợp tác xã Nông nghiệp phường ĐG phải chuyển T bộ đất cho Ủy ban nhân dân phường ĐG quản lý. Như vậy, với các tài liệu, chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ xác định: Nguồn gốc diện tích đất 120,6m^2 vợ chồng ông Nguyễn Khánh T sử dụng thuộc thửa đất số 19 Trích lục địa chính số 241/2023-TL do Trung tâm kỹ thuật dữ liệu, thông tin Tài

nguyên và Môi trường của Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 29/8/2023 có nguồn gốc là đất công trình đô thị.

[2.2.2] Về việc bàn giao diện tích đất 720m^2 cho Ban chỉ huy quân sự quận NQ, Hội đồng xét xử thấy: Ngày 01/4/1987, Ban chỉ huy quân sự quận NQ có văn bản gửi Uỷ ban nhân dân quận NQ, Uỷ ban nhân dân phường ĐG nội dung đề nghị cấp diện tích đất 720m^2 phía Đông của hồ An Biên. Ngày 11/5/1987, Ủy ban nhân dân phường ĐG có Biên bản hội nghị quyết định bàn giao đất của Ủy ban phường ĐG cho Ban chỉ huy quân sự quận NQ để xây dựng cụm chiến đấu khu đất diện tích 720m^2 tại khu Đồng Linh, có sơ đồ mặt bằng kèm theo. Ngày 20/3/1995, Ban chỉ huy quân sự quận NQ có Công văn gửi Ủy ban nhân dân phường ĐG về việc sử dụng lô đất tại khu Đồng Linh để giao cho một số cán bộ đơn vị, sử dụng giải quyết nhu cầu sinh hoạt cá nhân. Tuy nhiên, Ủy ban phường ĐG chưa có phản hồi về đề nghị này của Ban chỉ huy quân sự quận NQ. Sau đó, Ban chỉ huy quân sự quận NQ tự ý giao cho một số cán bộ đơn vị, trong đó có ông Bùi Văn V diện tích đất 120,6m^2 là không đúng thẩm quyền, không đúng mục đích sử dụng đất và chưa được cơ quan có thẩm quyền quản lý về đất đai cho phép nên ông Bùi Văn V không có quyền sử dụng hợp pháp đối với diện tích đất 120,6m^2 thuộc thửa đất số 19 Trích lục địa chính số 241/2023-TL.

[2.2.3] Các văn bản, tài liệu: Biên bản kiểm tra xác định ranh giới, mốc giới thửa đất của ông Bùi Văn V ngày 20 /3/2000 của Ủy ban nhân dân phường ĐG; Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất và Trích đo mặt bằng thửa đất (dùng cho việc cấp giấy chứng nhận ĐKKK-QSDĐ) của ông Bùi Văn V. Giấy chứng nhận kê khai đăng ký sử dụng đất số 821GCN/ĐK ngày 10/5/2000 của Sở Địa chính Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng cấp cho ông Bùi Văn V không phải là căn cứ để xác định quyền quản lý, sử dụng đất của ông Bùi Văn V. Ngày 01/3/2012, ông V chuyển nhượng đất cho anh Nguyễn Khành T khi chưa được công nhận quyền sử dụng đất, chưa được cấp GCNQSD đất.

[2.2.4] Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy: Thời điểm thu hồi đất để thực hiện dự án, thửa đất 120,6m^2 vợ chồng ông Nguyễn Khánh T sử dụng thuộc thửa đất số 19 Trích lục địa chính số 241/2023-TL do Trung tâm kỹ thuật dữ liệu, thông tin Tài nguyên và Môi trường của Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 29/8/2023 là đất công trình đô thị do UBND phường ĐG quản lý. Do đó, Ủy ban nhân dân quận NQ ban hành quyết định thu hồi đất xác định chủ sử dụng đất là Ủy ban nhân dân phường ĐG, từ đó xác định ông T không được bồi thường về đất và tài sản trên đất là có căn cứ. Uỷ ban quận NQ đã ban hành Thông báo thu hồi đất; Quyết định thu hồi đất, đã tống đạt các văn bản này hợp lệ cho ông T. Ủy ban nhân dân quận NQ đã nhiều lần vận động, thuyết phục ông T trả lại diện tích đất theo quyết định thu hồi của Ủy ban nhân dân quận NQ, nhưng vợ chồng ông T không chấp hành. Do vậy, ngày 19/4/2024 Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận NQ đã ban hành Quyết định số 631/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu

hồi đất là đúng quy định của pháp luật; đã tiến hành giao hợp lệ quyết định này cho ông T (tại phiên toà ông T xác nhận đã nhận được các quyết định này). Các quyết định hành chính nêu trên của UBND và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận NQ đã tuân thủ theo quy định của pháp luật về hình thức, trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành, tuân theo quy định tại các tại khoản 2 Điều 82; các Điều 62, 63, 66, 67, 68, 69, 71, 74, 75 của Luật Đất đai năm 2013 nên các quyết định này là có căn cứ và hợp pháp.

[3] Tổng hợp các phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các quy định của pháp luật và quyết định bác T bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ, đúng pháp luật. Quá trình xét xử phúc thẩm, người khởi kiện không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì mới để bảo vệ cho nội dung kháng cáo của mình nên không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo của người khởi kiện như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Nguyễn Khánh T và chị Lê Thị Tuyết L phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 129/2024/HC-ST ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Khánh T và chị Lê Thị Tuyết L phải chịu án 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính phúc thẩm, được đối trừ với số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm tại Biên lai số 0000657 ngày 23/9/2025 và Biên lai số 0000658 ngày 23/9/2025 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

3. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND Tp Hải Phòng;
- Cục THADS Tp Hải Phòng;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HSVA, PHCTP./.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Xuân Thảo

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hải Thanh **Nguyễn Xuân Điền** **Trần Xuân Thảo**